

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất giấy xuất khẩu, công suất 1.500.000 đôi mặt giấy và 1.000.000 đôi giấy thành phẩm/năm tại Cụm công nghiệp nghề cá xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc của Công ty TNHH giấy KALEBO Việt Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 05 năm 2019 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu số 7696886568 ngày 25/05/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp về việc thực hiện dự án đầu tư nhà máy sản xuất giấy xuất khẩu tại Cụm công nghiệp nghề cá Hòa Lộc, xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc với công suất 1.500.000 đôi mặt giấy và 1.000.000 đôi giấy thành phẩm/năm;

Theo Biên bản thẩm định kèm theo Công văn số 1532/STNMT-BVMT ngày 05/3/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về Thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất giấy xuất khẩu, công suất 1.500.000 đôi mặt giấy và 1.000.000 đôi giấy thành phẩm/năm tại Cụm công nghiệp nghề cá xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 56/MT ngày 16/4/2021 của Công ty TNHH giấy KALEBO Việt Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 317/Tr-STNMT ngày 05/5/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất giấy xuất khẩu, công suất 1.500.000 đôi mặt giấy và 1.000.000 đôi giấy thành phẩm/năm (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH giấy KALEBO Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Cụm công nghiệp nghề cá Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hậu Lộc, Giám đốc Công ty TNHH giấy KALEBO Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất giày xuất khẩu, công suất
1.500.000 đôi mặt giày và 1.000.000 đôi giày thành phẩm/năm tại Cụm
công nghiệp nghề cá xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa
của Công ty TNHH giày KALEBO Việt Nam

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất giày xuất khẩu, công suất 1.500.000 đôi mặt giày và 1.000.000 đôi giày thành phẩm/năm tại Cụm công nghiệp nghề cá xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH giày KALEBO Việt Nam

- Địa chỉ: Cụm công nghiệp nghề cá xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện: Ông HSIAO TUNG - JEN - Chức vụ: Giám đốc.

- Điện thoại: 0393.626.867

- Phạm vi, quy mô, công suất dự án:

+ Khu đất xây dựng Nhà máy có diện tích 25.018,7 m² thuộc Cụm Công nghiệp nghề cá Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Các hạng mục công trình bao gồm: Nhà xưởng số 1 cao 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 3.600m²; Nhà xưởng số 2 cao 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 5.600m²; nhà văn phòng số 1 cao 01 tầng diện tích xây dựng 300 m²; nhà văn phòng số 2 cao 01 tầng diện tích xây dựng 300 m²; bể nước ngầm, nhà để xe và các công trình phụ trợ.

+ Công suất: 1.500.000 đôi mặt giày và 1.000.000 đôi giày thành phẩm/năm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 3,0 m³/ngày (nước thải vệ sinh khoảng 1,44 m³/ngày; nước thải từ nhà ăn: 0,24 m³/ngày; nước rửa tay chân khoảng 1,32 m³/ngày); Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt; dầu mỡ động, thực vật, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng lớn nhất khoảng 0,05m³/s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 8,0 m³/ngày; Thành phần chủ yếu gồm: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; san lấp mặt bằng; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu. Thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO_2 , NO_x , CO ...

2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 25 kg/ngày chủ yếu của công nhân thi công trên công trường. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,.....

- Chất thải rắn xây dựng: Chất thải rắn xây dựng rơi vãi (cát, đá...): 49,74 tấn/toàn bộ quá trình thi công; Bao bì xi măng: 0,28 tấn/toàn bộ quá trình thi công; Gạch vỡ, sắt thép vụn, xi măng bị hỏng...: 10,82 tấn/toàn bộ quá trình thi công; Đất đào hố móng công trình, mương rãnh thoát nước: 6.247,318 tấn.

2.1.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chủ yếu là giẻ lau chùi máy móc, vỏ thùng đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, bóng đèn huỳnh quang,... khối lượng khoảng 20kg/tháng.

2.2. Giai đoạn vận hành:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sản xuất: Từ quá trình vệ sinh dụng cụ pha chế keo, pha chế hóa chất khoảng $1,0 \text{ m}^3$ /ngày và nước thải từ quá trình vệ sinh nồi hơi khoảng $1,5 \text{ m}^3$ /ngày.

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên Nhà máy phát sinh khoảng $151,87 \text{ m}^3$ /ngày.đêm; trong đó, nước thải từ nhà ăn: $1,07 \text{ m}^3$ /ngày.đêm; nước thải nhà vệ sinh: $125,6 \text{ m}^3$ /ngày.đêm; nước thải tắm giặt: $25,2 \text{ m}^3$ /ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, dầu mỡ động thực vật, Coliform...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng lớn nhất khoảng $0,11 \text{ m}^3$ /s. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện ra vào khu vực dự án, hoạt động của máy phát điện, hệ thống xử lý nước thải. Thành phần chủ yếu: Bụi, NO_2 , SO_2 , CO , H_2S , NH_3 ,...

- Bụi, hơi dung môi hữu cơ phát sinh từ khu vực cắt nghiền cao su, mài đế, phối trộn nguyên liệu, in thêu, dán ép đế giày, mũ giày, ráp đế giày và ép định hình sản phẩm giày và vệ sinh sản phẩm,... Thành phần chủ yếu là bụi vô cơ, bụi vải, bụi da, bụi cao su, NO_2 , SO_2 , hơi dung môi: Acetone, Toluen, Xylene, Ethyl acetate ...

- Mùi và khí thải phát sinh từ khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải rắn. Thành phần khí thải phát sinh gồm: bụi lơ lửng, H_2S , CH_4 , NH_3 ...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của cán bộ công nhân viên trong nhà máy với tổng khối lượng là 621 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Chất hữu cơ, nhựa, giấy, bìa các tông, giẻ vụn, túi nilon, vỏ chai nhựa, đồ hộp...

- Chất thải rắn từ hoạt động sản xuất bao gồm: Chất thải rắn từ các phân xưởng sản xuất (đầu mẫu vải, da, nhựa, cao su thừa, vật liệu phụ,...) có khối lượng khoảng 285 kg/ngày.

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải rắn nguy hại có khối lượng khoảng 1.802 kg/năm, thành phần chủ yếu bao gồm: Keo dán giày thải bị hỏng, hộp mực in, thùng đựng hóa chất, bóng đèn, linh kiện, thiết bị điện tử thải, giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ, bùn thải từ quá trình xử lý nước thải sản xuất, than hoạt tính đã qua sử dụng trong quá trình xử lý khí thải.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn:

- Khu vực tập kết nguyên vật liệu được che chắn bằng bạt nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng...

- Thực hiện công tác vệ sinh công trường sau mỗi ngày làm việc nhằm hạn chế các chất ô nhiễm rơi vãi trên mặt bằng thi công.

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa theo đúng thiết kế của dự án để sử dụng cho giai đoạn thi công và giai đoạn vận hành dự án.

- Khu vực kho chứa nhiên liệu xăng, dầu phải có mái che, nền nhà không thấm nước, tránh không cho nhiên liệu rò rỉ ra đất, nước ở khu vực xung quanh.

b. Biện pháp tác động do nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ quá trình vệ sinh tay chân được thu gom về hố lắng nước thải xây dựng có dung tích $3,0m^3$ (kích thước $2,0m \times 1,0m \times 1,5m$) để xử lý trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải từ quá trình ăn uống được thu gom về hố lắng tạm có dung tích $1,5m^3$ (kích thước $1,5m \times 1,0m \times 1,0m$) để tách váng dầu mỡ và cặn lắng trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải nhà vệ sinh: Nhà thầu thi công lắp đặt 04 nhà vệ sinh di động bố trí tại khu lán trại. Mỗi nhà vệ sinh di động có dung tích bể chứa chất thải: 500lít; Bể chứa nước dự trữ: 400lít. Định kỳ 02 ngày/lần đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng hút chất thải đem đi xử lý.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

Nước thải xây dựng được thu gom về hố lắng tạm tại khu vực cổng ra vào dự án có thể tích $10,0m^3$ (kích thước $2m \times 1,5m \times 1,0m$) để xử lý trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di

chuyển. Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy móc thi công. Phun nước dọc tuyến đường vận chuyển vật liệu xây dựng phát sinh nhiều bụi.

- Quét dọn vệ sinh ở các tuyến đường xung quanh khu đất dự án.
- Thực hiện trút đổ đất đến đâu, san nền lu lèn tạo mặt bằng đến đó để tránh bụi phát tán ra môi trường xung quanh.
- Xây dựng hàng rào bằng tôn xung quanh khu đất thi công xây dựng để giảm bụi và tiếng ồn phát sinh ra bên ngoài.
- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt

Bố trí 02 thùng đựng rác bằng nhựa có nắp đậy với dung tích 30 lít, 01 thùng nhựa có dung tích 120 lít tại khu vực lán trại công nhân để thu gom rác thải sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom đưa đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

Chất thải xây dựng phát sinh tại công trường thi công dự án có khối lượng 6.308,158 tấn, các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Đối với loại chất thải rắn như bìa cattông, các mẫu sắt thừa,... được thu gom hàng ngày vào các bao bì đặt trong nhà kho chứa vật liệu, sau đó bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.
- Đối với đất đào hố móng công trình, gạch hư hỏng, cát đá rơi vãi,... được tận dụng tôn nền các công trình nhà xưởng trong dự án.
- Thường xuyên quét dọn vật liệu rơi vãi trên đường (đặc biệt là đoạn đường liên xã rẽ vào khu đất dự án) nhằm giảm thiểu các tác động do chất thải rơi vãi trong quá trình vận chuyển vật liệu.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại có khối lượng khoảng 20 kg/quá trình thi công được thu gom vào trong 02 thùng phuy kín (dung tích 200 lít/thùng), có dán nhãn và đặt trong kho chứa.
- Kho chứa dựng bằng tôn (có diện tích khoảng 10 m²) cạnh khu vực lán trại công nhân. Sau khi kết thúc thi công, chủ dự án và đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng đem đi xử lý.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Nước mưa chảy tràn trên mái của các xưởng, nhà văn phòng được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D110 từ trên mái xuống hệ thống thoát nước mưa dọc theo các tuyến đường nội bộ trong nhà máy cùng với nước mưa chảy tràn trong khuôn viên nhà máy. Hệ thống thoát nước mưa là cống tròn BTCT D300 – D500 có tổng chiều dài L = 680,8 m. Trên hệ thống thoát nước mưa có

bố trí các hố ga thu lắng cặn (65 hố ga). Nước mưa sau khi thu gom và lắng cặn được dẫn ra hệ thống mương thu gom nước mưa của CCN sau đó dẫn ra sông kênh De.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải rửa tay chân, tắm giặt: Sau khi đi qua các song chắn rác bố trí ở đầu miệng ống thu để tránh làm tắc đường ống, sau đó dẫn về các hố ga để lắng cặn và dẫn về hệ thống mương thu gom nước thải của Cụm công nghiệp nghề cá xã Hòa Lộc để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra sông Kênh De.

+ Nước thải từ các nhà vệ sinh (thoát từ các hố tiêu, hố tiêu) được thu gom bằng hệ thống đường ống nhựa PVC $\Phi 110$ về các bể tự hoại 03 ngăn để xử lý (06 bể tự hoại với tổng thể tích 680 m^3), sau đó dẫn theo đường ống nhựa HDPE về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp nghề cá xã Hòa Lộc để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra sông Kênh De.

+ Nước thải từ nhà ăn: Sau khi qua các song chắn rác được thu gom về bể tách dầu mỡ (thể tích $6,0 \text{ m}^3$), dầu mỡ được định kỳ (01 lần/tuần) thu gom đưa đi xử lý cùng nước thải sinh hoạt. Nước thải sau khi tách dầu được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp nghề cá xã Hòa Lộc để xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra sông Kênh De.

- Nước thải sản xuất:

+ Nước thải vệ sinh nồi hơi có lưu lượng $1,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$, dòng thải này bị ô nhiễm bởi nhiệt độ và cặn lắng nên được thu gom về bể lắng có thể tích $V = 2,1 \text{ m}^3$ (Kích thước: dài x rộng x sâu = $1,4 \text{ m} \times 1,0 \text{ m} \times 1,5 \text{ m}$) để giảm nhiệt độ và lắng cặn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN để xử lý trước khi thải ra sông Kênh De.

+ Nước thải sản xuất từ quá trình vệ sinh dụng cụ in logo, pha chế hóa chất: Dòng nước thải này phát sinh khoảng $1,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$ có chứa các thành phần hóa học độc hại nên được thu gom và xử lý riêng trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp nghề cá xã Hòa Lộc với công nghệ xử lý như sau: Nước thải sản xuất (vệ sinh dụng cụ in và pha chế hóa chất) $\rightarrow$ bể thu gom $\rightarrow$ bể khuấy nhanh $\rightarrow$ Bể keo tụ $\rightarrow$ Bể lắng $\rightarrow$ bể chứa nước thải sau xử lý $\rightarrow$ Hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN.

Toàn bộ nước thải của nhà máy sau khi được xử lý sơ bộ như trên đã nêu sẽ được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp và đạt các thông số đầu vào của Trạm xử lý nước thải tập trung theo yêu cầu của Cụm công nghiệp.

Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải sản xuất. Bố trí khu vực thuận lợi phục vụ việc lấy mẫu giám sát định kỳ của đơn vị hoặc kiểm tra giám sát của cơ quan nhà nước.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

a. Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất:

+ Lắp đặt hệ thống gió công nghiệp (với 240 quạt gió công nghiệp công suất 1,1kW, tốc độ gió 460 vòng/phút, lưu lượng gió 38.000 m³/h) tại các nhà kho, nhà xưởng;

+ Khu vực cắt, nghiền cao su, mài đế: Bụi phát sinh trong hộp thao tác, khí thải chứa bụi được hút và dẫn tập trung về 02 hệ thống xyclon khô để tách bụi trước khi thải ra môi trường.

+ Lắp đặt 15 ống chụp hút và xử lý bằng than hoạt tính (Kích thước 0,6x0,6m; Công suất 5,5 kW; Điện áp: 3 pha; Lưu lượng: 90 m³/phút) tại các khu vực phối trộn nguyên liệu; khu vực ép đế giày, mũ giày và định hình; khu vực vệ sinh sản phẩm.

- Thường xuyên vệ sinh công nghiệp, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân theo đúng quy định, lắp đặt hệ thống thông gió công nghiệp tại các nhà kho, nhà xưởng làm việc; trồng cây xanh khu vực khuôn viên Nhà máy.

b. Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện ra vào Nhà máy, máy phát điện dự phòng:

- Các phương tiện tham gia vận chuyển ra, vào Nhà máy được bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm đúng hạn, tuân thủ đúng vận tốc quy định.

- Máy phát điện được lắp đặt trong phòng riêng biệt, tại phòng đặt máy phát điện lắp đặt hệ thống quạt hút khí thải vào ống thoát khí riêng và thoát ra ngoài môi trường.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Chất thải rắn sinh hoạt:

- Dọc tuyến đường nội bộ khu vực nhà máy: Bố trí 15 thùng composite loại 60 lít/thùng:

- Khu nhà ăn, nhà bếp: Trang bị 100 sọt rác nhỏ đặt phía dưới bàn ăn, 04 thùng composite loại 120 lít/thùng:

- Khu nhà văn phòng: Các phòng làm việc sẽ được bố trí các thùng rác nhỏ, hành lang từng tầng của khu nhà bố trí 02 thùng composite 60 lít/thùng.

Toàn bộ rác thải sinh hoạt sẽ được tập kết vào 03 xe đẩy rác có thể tích 0,5 m³/xe đặt tại khu vực nhà để rác thải để chờ đưa đi xử lý. Nhà để rác thải được xây dựng với diện tích 120 m², tường gạch, có mái che bằng tôn, nền láng xi măng. Bên trong khu vực nhà để rác thải chia làm 03 ngăn: Ngăn để chất thải nguy hại, ngăn để chất thải rắn sinh hoạt và ngăn để chất thải rắn sản xuất. Đối với rác có thể tái chế: được bán cho các cơ sở thu mua phế liệu; Đối với rác thải không thể tái chế: được Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển đi xử lý theo quy định.

b. Chất thải rắn sản xuất:

- Tại khu vực xưởng cắt và xưởng đế bố trí các thùng nhựa có dung tích 80 lít/thùng (số lượng 50 thùng) để thu gom vải, da vụn và cao su thừa. Cuối

ngày công nhân dọn vệ sinh sẽ đi thu gom chất thải này vào các bao bì và đưa về nhà để rác để chờ đưa đi xử lý.

- Đối với bìa catton: Được thu gom hàng ngày và tập kết về khu vực để rác thải để chờ đưa đi xử lý.

- Tại khu vực xưởng may: Các loại chỉ thừa sẽ do công nhân dọn vệ sinh nhà xưởng, thu gom và xử lý loại chất thải này cùng với vải vụn, da vụn...

Toàn bộ chất thải rắn sản xuất của nhà máy sau khi tập kết về khu nhà để rác sẽ được nhà máy hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom rác thải công nghiệp để đưa đi xử lý theo quy định.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại riêng biệt và đưa về lưu giữ tại 05 thùng chứa chất thải nguy hại có dung tích 500 lít/thùng. Các thùng đựng chất thải nguy hại đều có ký hiệu cảnh báo nguy hại và đặt ở góc trong cùng của khu nhà để rác. Khu vực để chất thải nguy hại sẽ được đóng kín, bên ngoài cửa có biển cảnh báo nguy hại. Định kỳ 3 - 6 tháng Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT - BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

4.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

4.1.1. Giám sát chất lượng khí thải:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Chỉ tiêu giám sát: Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, Bụi, SO₂, CO, NO₂.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí giám sát gồm:
 - + 01 mẫu tại khu vực thi công dự án.
 - + 01 mẫu tại khu vực lán trại công nhân.
- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - + QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
 - + QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
 - + QCVN 03: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc
 - + QCVN 02/2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi nơi làm việc.

4.1.2. Giám sát chất lượng nước thải:

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD₅, NH₄⁺, PO₄³⁻, Coliform.
- Vị trí giám sát:

+ 01 mẫu nước thải sinh hoạt (nước rửa tay chân) tại hố lắng tạm trước khi thải ra môi trường.

+ 01 mẫu nước thải xây dựng tại hố lắng tạm trước khi thải ra môi trường.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

Chất lượng nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tại Cụm công nghiệp nghề cá Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc (theo báo cáo đánh giá tác động môi trường “Dự án Xây dựng và khai thác hạ tầng cụm công nghiệp nghề cá xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa” của Công ty TNHH Một thành viên BNB Thanh Hóa).

4.2. Giám sát chất lượng môi trường giai đoạn vận hành

4.2.1. Giám sát chất lượng không khí

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Vị trí lấy mẫu: 04 vị trí giám sát gồm:

+ 01 mẫu tại trung tâm nhà xưởng sản xuất (xưởng 1);

+ 01 mẫu tại trung tâm nhà xưởng sản xuất (xưởng 2);

+ 01 mẫu khí thải sau xử lý tại ống thoát khí chung từ các xưởng của khu vực: Phối trộn nguyên liệu; dán keo đế giày và khu vực vệ sinh sản phẩm.

- Các chỉ tiêu phân tích: Nhiệt độ, độ ẩm, độ ồn, Bụi, NO₂, SO₂, hơi dung môi: Acetone, Toluene, Xylene, Ethyl acetate.

+ 01 mẫu tại khu vực tập kết rác thải của nhà máy. Các chỉ tiêu phân tích: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, H₂S, CH₄, NH₃.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất vô cơ.

+ QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

+ QCVN 24: 2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu.

+ QCVN 02/2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi nơi làm việc.

+ QCVN 03/2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

4.2.2 Giám sát chất lượng nước thải

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Chỉ tiêu phân tích: pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, Amoni, độ màu, tổng N, tổng P, dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Vị trí giám sát: 02 vị trí

+ 01 mẫu nước thải của nhà máy trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp nghề cá xã Hòa Lộc.

+ 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất của nhà máy.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

Chất lượng nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tại Cụm công nghiệp nghề cá Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc (theo báo cáo đánh giá tác động môi trường “Dự án Xây dựng và khai thác hạ tầng cụm công nghiệp nghề cá xã Hòa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa” của Công ty TNHH Một thành viên BNB Thanh Hóa)./.